

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 13

Giải thích tên định: có ba ý:

- 1) Tên định.
- 2) Thể dụng của định.
- 3) Công đức.

Tên định: Tỳ-lô-giá-na Như Lai tạng thân. Tỳ lô: ánh sáng giá na cùng khắp. Như Lai: thể pháp tánh, Tạng thân: dung nhiếp các pháp. Trí: sáng, dùng ánh sáng của giáo hạnh nơi lý trí chiếu soi căn tánh đem lại lợi ích cho chúng sanh. Thể dụng của định: thể là trí căn bản, dụng là trí sai biệt, trí tùy thuận chúng sanh. Nhập định là thể, xuất định là dụng; không xuất nhập là thể, xuất nhập là dụng. Tóm lại, nhập định để biểu hiện khuôn pháp nhằm hóa độ chúng sanh, xuất định là bày tỏ công dụng của định. Tất cả đều có từ thể trí không nương tựa. Định này còn gọi là định Thủ lăng nghiêm. Trí huệ của các Đức Phật là thể của định, tùy thuận vào đời để độ sanh và công dụng của định. (Hải: rộng lớn; tuyên: sâu xa). Thể dụng của định này sâu xa rộng lớn dung nhiếp hạnh nguyện nghiệp lực của tất cả các Đức Phật, Bồ-tát, chúng sanh trong sáu cõi. Phần này trả lời 37 câu hỏi trước: “Nhờ oai lực Phật” là trả lời những câu hỏi: cõi Phật, mắt tai mũi lưỡi của Phật. “Định Phổ Hiền” là trả lời những câu hỏi: hạnh và định của Bồ-tát. Phật là thể của sự biện giải về thể dụng của hạnh Phật, Bồ-tát. Hạnh Phổ Hiền là công dụng. Vì thể dụng này dung nhiếp các pháp. Mắt tai mũi lưỡi thân ý của Phật là thể, khả năng hiểu rõ nghiệp lực của chúng sanh là dụng Như Lai trao trí cho Phổ Hiền là biểu hiện trí Phật chính là trí Phổ Hiền để kẻ hậu học tin hiểu không nghi. Phật đưa tay xoa đầu Phổ Hiền là sự chỉ dạy. Phổ Hiền xuất định là chứng minh thể định tùy căn tánh đạt lợi ích. Tạm nêu mười công dụng biểu hiện sự rộng lớn không cùng của định.

Phẩm: SỰ THÀNH TỰU THỂ GIỚI

Phẩm này được chia thành ba phần:

- 1) Tên phẩm.
- 2) Ý nghĩa của phẩm.
- 3) Nghĩa của văn.

Tên phẩm: cõi thế gian cô từ nghiệp tịnh, nhiệm của chúng sanh. Cõi Phật Bồ-tát được hình thành từ nghiệp lực, thể tánh thanh tịnh, trí bi, Ba-la-mật và thần thông biến hóa để độ thoát chúng sanh. Nghĩa của phẩm có năm ý:

1) Quả báo của nghiệp nguyện để trả lời những câu hỏi: Phật, chúng sanh, Ba-la-mật (Phật dùng thần lực trả lời) và tất cả những câu hỏi khác. Từ đó chúng sanh hiểu được hạnh nguyện độ sanh của Phật.

2) Dạy chúng sanh đời này đời sau - những người phát tâm bồ đề - biết rõ hạnh nguyện từ bi của Phật Bồ-tát, cứu độ đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh để chúng sanh đến bờ giải thoát. Nghĩa là chúng sanh thấy hạnh Phật noi gương thực hành trọn vẹn bi trí, không nhầm lẫn.

3) Dạy Bồ-tát hiểu rõ nghiệp báo sai khác của chúng sanh đều bắt nguồn từ tâm.

4) Dạy người mới phát tâm biết rõ quả báo chúng sanh rộng lớn như pháp giới hư không đủ mọi hiện tượng.

5) Dạy người phát tâm biết rõ cảnh giới của Phật, Bồ-tát, chúng sanh đều không thể nắm bắt được. Do nghiệp lực chúng sanh chuyển biến thành hoại nên có sự thay đổi thành hoại của cõi nước. Nếu không có phẩm này Bồ-tát không biết hạnh độ sanh của Phật, tướng trạng lớn nhỏ của cõi thế gian và không phát tâm bồ đề độ thoát chúng sanh. Như phần kệ chép: đoạn trừ hư dối tâm thanh tịnh, sống hạnh từ bi luôn vui vẻ, người có chí lớn, vững lòng tin, vui mừng hạnh phúc được nghe pháp, an trụ hạnh nguyện của Phổ Hiền, tu tập hạnh tịnh của Bồ-tát, quán sát pháp giới, hư không giới, hiểu rõ hạnh nguyện của chư Phật. Nếu không nói rõ sự dung nhiếp đan xen của cõi Phật, Bồ-tát, chúng sanh hư không thì người phát tâm dù không họ pháp nhị thừa, tu hạnh Bồ-tát cũng chỉ đạt quả Bồ-tát của quyền giáo tâm trí buộc trong nhiệm tịnh, không vào cõi Phật, phân biệt cõi Phật của mình, người, thấy đến đi qua lại. Như Bồ-tát nguyện sanh về cõi tịnh ở phương khác trong giáo lý ba thừa. Nghĩa của văn: phẩm này gồm 11 đoạn: một đoạn văn xuôi và phần kệ đầu là phần tựa, 10 đoạn sau là phần chính. Đoạn một chia thành sáu phần:

- 1) (4,5 hàng) Phổ Hiền quán sát mười cõi nước.

2) (8 hàng) Phổ Hiền khen ngợi đức mẫu nhiệm của mười trí.

3) (6 hàng) Phổ Hiền khen ngợi đức độ sanh khôn lường của mười thân Phật.

4) (7 hàng) Phổ Hiền khen ngợi đức độ sanh bằng trí thân của Phật và sự thành tựu quả Phật của chúng sanh.

5) (8,5 hàng) Phổ Hiền nương lực Phật nói rõ hạnh nguyện độ sanh bằng trí thân của Phật, từ đó các Bồ-tát, chúng sanh vào cõi Phật.

6) Phổ Hiền nói kệ tóm gọn các phần trước.

- Phần sáu có 20 hàng, hai hàng là một bài, với 20 ý trả lời các câu hỏi trước:

1) Trí Phật sau xa.

2) Thân Phật tùy chúng sanh.

3) Lời Phật vang xa.

4) Hạnh Phật rộng lớn.

5) Đức từ bi độ sanh của Phật.

6) Sự ra đời độ sanh của Phật.

7) Chúng sanh yếu kém mê muội.

8) Chúng sanh với lòng tin bền vững tu tập pháp Phật.

9) Nhờ thần lực Phật chúng sanh hiểu pháp.

10) Đoạn trừ hư vọng, chí nguyện sâu xa.

11) Quán sát pháp giới như hư không, đạt lợi ích.

12) Người tu đạo khác không hành hạnh Phổ Hiền.

13) Giáo pháp truyền giảng khắp cõi chúng sanh.

14) Phổ Hiền hiện thân cùng khắp.

15) Khuyên chúng sanh quán lỗ chân lông.

16) Phổ Hiền thuyết pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh.

17) Hạnh nguyện rộng lớn của Phổ Hiền.

18) Phổ Hiền khen ngợi hạnh nguyện;

19) Mắt pháp mắt trí, thân pháp thân trí rộng lớn.

20) Hạnh Phật hợp với chúng sanh.

- Phần chính gồm mười đoạn:

1) (18,5 hàng) phân sáu ý:

Phổ Hiền nói pháp cho đại chúng.

Cõi nước với mười pháp tóm thâu mọi việc trong ba đời của các Đức Phật.

Thể tánh tương trạng với mười sự mẫu nhiệm của cõi nước. Mười nhân duyên của sự đã đang sẽ thành tựu của cõi nước.

Với thần lực của Phật các pháp vốn vậy.

Nương lực Phật nói kệ. (18 hàng kệ tóm thâu các ý trước). Biểu hiện cõi nước chúng sanh rộng lớn, hạnh nguyện của Phật Bồ-tát cùng khắp vì cõi nước rộng nên hạnh nguyện lớn, chúng sanh nhiều, hạnh nguyện nhiều. Vì hạnh nguyện của Bồ-tát thanh tịnh nên cõi nước được hình thành từ báu vật thanh tịnh (Đó là sự khác biệt của nghiệp báo). Kinh dạy: Bồ-tát tu tập các hạnh nguyện tùy thuận sở thích của chúng sanh, tên hạnh của chúng sanh thật khó lường, thân hạnh của Bồ-tát cũng cùng khắp.

2) (9,5 hàng văn xuôi, 44 hàng kệ) nơi nương tựa của thế giới.

3) (6 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) sự khác biệt của cõi nước.

4) (11 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) sự trang nghiêm của cõi nước.

5) (13 hàng văn xuôi, 10 hàng kệ) thể sai khác của cõi nước.

6) (10 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) cõi nước tịnh uế do hạnh nghiệp sai khác.

7) (8 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) sự khác biệt của cõi nước mà Phật xuất hiện là do nghiệp lực tuổi thọ sai khác của chúng sanh.

8) (7 hàng văn xuôi, 10 hàng kệ) sự tồn tại của cõi nước tùy nghiệp.

9) (14 hàng văn xuôi, 10 hàng kệ) kiếp số tùy nghiệp.

10) (15 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) cõi nước sai khác của Như Lai. Phẩm này dạy người phát tâm bồ đề hiện tại và vị lai biết rõ hạnh nguyện độ sanh rộng lớn của Phật, nghiệp lực sâu dày của chúng sanh. Vì trong pháp tánh lý trí không ngăn ngại, không đến đi. Với pháp Ba-la-mật, Phật hiện thân khắp nơi, làm đủ mọi việc. Từ đó, người tu hành soi gương Phật tu tập đúng đắn.